

HƯỚNG DẪN THỦ TỤC TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

I. Điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam

1. Người đã mất quốc tịch Việt Nam thì có thể được trở lại quốc tịch Việt Nam
2. Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam không được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.
3. Trường hợp người bị tước quốc tịch Việt Nam xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải sau ít nhất 5 năm, kể từ ngày bị tước quốc tịch mới được xem xét cho trở lại quốc tịch Việt Nam.
4. Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài. Tên gọi này phải được ghi rõ trong Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.
5. Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam được giữ quốc tịch nước ngoài nếu đáp ứng các điều kiện sau đây và được Chủ tịch nước cho phép:
 - a) Việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó;
 - b) Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

II. Yêu cầu đối với giấy tờ trong hồ sơ

a) Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Hiện nay, Việt Nam và Đức không có thỏa thuận về miễn hợp pháp hóa nên giấy tờ của Đức phải được hợp pháp hóa lãnh sự.

b) Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.

c) Giấy tờ là bản sao phải được chứng thực theo quy định pháp luật hoặc xuất trình bản bản chính để đối chiếu; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.

d) Nghiêm cấm các hành vi sau:

- Dùng giấy tờ giả, giấy tờ bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung; khai báo không trung thực, có hành vi gian dối để làm thủ tục giải quyết các việc về quốc tịch;

- Dùng giấy tờ không còn giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam để chứng minh đang có quốc tịch Việt Nam;

- Lợi dụng thẩm quyền được giao để cấp giấy tờ về quốc tịch Việt Nam, giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ khác có ghi quốc tịch Việt Nam trái quy định của pháp luật; xác nhận không có cơ sở, không đúng sự thật về người xin trở lại quốc tịch Việt Nam;

- Lợi dụng việc trở lại quốc tịch Việt Nam và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi được trở lại quốc tịch Việt Nam để xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam.

III. Hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam

Hồ sơ được lập thành 03 bộ giống nhau. Mỗi bộ bao gồm các giấy tờ sau:

1. 01 Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam theo mẫu

a) Sử dụng [mẫu TP/QT-2025-ĐXTLQT.1](#) đối với người từ đủ 18 tuổi trở lên

b) Sử dụng [mẫu TP/QT-2025-ĐXTLQT.2](#) đối với người dưới 18 tuổi

Dán ảnh chụp trong thời gian 06 tháng gần nhất vào ô tương ứng trong tờ khai; sử dụng ảnh giống nhau cho 03 bộ hồ sơ.

Đối với người dưới 18 tuổi ([mẫu TP/QT-2025-ĐXTLQT.2](#)), thì phải có văn bản thỏa thuận theo [mẫu TP/QT-2025-VBTT](#) của cha mẹ về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con. Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Văn bản thỏa thuận của cha, mẹ (trong trường hợp con dưới 18 tuổi) cần thể hiện rõ nội dung, ý kiến đồng ý về việc xin trở lại/nhập quốc tịch cho con. Đối với người từ đủ 15 tuổi nhưng dưới 18 tuổi thì trẻ cũng phải ký vào đơn cùng với cha/mẹ.

Đơn phải được ký trực tiếp (Originalunterschrift), không sử dụng chữ ký sao chụp.

2. 01 Bản sao hộ chiếu/thẻ căn cước của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam để chứng minh quốc tịch nước ngoài của người đó;

Đối với người chưa đủ 18 tuổi, cần gửi kèm bản chụp hộ chiếu, thẻ căn cước của người giám hộ.

3. 01 Bản khai lý lịch theo [mẫu TP/QT-2025-BKLL](#); có dán ảnh chụp trong thời gian 06 tháng gần nhất.

Bản khai lý lịch phải được ký trực tiếp (Originalunterschrift), không sử dụng chữ ký sao chụp.

4. 01 Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp (Führungszeugnis) do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài (*Bundesamt für Justiz*) cấp phù hợp với pháp luật của nước đó đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

Lưu ý: Phiếu lý lịch tư pháp điện tử của Đức sẽ không có con dấu, chữ ký của Cơ quan tư pháp liên bang nên không đáp ứng yêu cầu để hợp pháp hóa lãnh sự. Do vậy, cần xin phiếu lý lịch tư pháp (Führungszeugnis) có xác nhận bằng chữ ký và con dấu của Cơ quan tư pháp liên bang (Bundesamt für Justiz)

5. Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam:

- Giấy tờ chứng minh đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam (Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam, Quyết định tước quốc tịch Việt Nam);

- Giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó (ví dụ: Giấy khai sinh, Giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam, Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân Việt Nam cũ, hộ chiếu Việt Nam cũ);

6. Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận rõ về lý do không được nhập quốc tịch nước ngoài (đối với người xin trở lại quốc tịch Việt Nam vì lý do đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài).

Trong trường hợp không được nhập quốc tịch nước ngoài là do lỗi của người đó thì phải có văn bản bảo lãnh của một trong những người là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, kèm theo đơn của người đó tự nguyện về cư trú tại Việt Nam.

7. Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ sau:

a) Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó. Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này thì người đó phải có bản cam đoan theo [mẫu TP/QT-2025-VBCD](#) về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó;

b) Bản cam kết theo [mẫu TP/QT-2025-VBCK](#) không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định thì phải thôi quốc tịch nước ngoài.

8. 01 bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con đối với con dưới 18 tuổi cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ.

9. 01 bì thư có dán sẵn tem thư bảo đảm (Einschreiben Einwurf) và ghi địa chỉ nếu muốn nhận kết quả qua bưu điện.

IV. Khi nộp hồ sơ, người đề nghị được trở lại quốc tịch Việt Nam nộp lệ phí lần 1 bao gồm lệ phí chứng thực bản dịch, hợp pháp hóa giấy tờ do phía Đức cấp và phí dịch thuật giấy tờ được lập bằng tiếng Đức để đáp ứng yêu cầu về hồ sơ theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ. Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ, cán bộ xử lý sẽ liên hệ và thông báo cho khách.

Người đề nghị nộp hồ sơ cũng có thể làm thủ tục chứng thực chữ ký, chứng thực bản sao tại công chứng viên của Đức; thuê phiên dịch viên tuyên thệ (beeidigte Übersetzer) dịch sang tiếng Việt các giấy tờ tiếng Đức trong hồ sơ. Sau đó, hồ sơ cần được đưa tới tòa án vùng (Landgericht) để chứng thực chữ ký của công chứng viên/phiên dịch viên tuyên thệ, nếu không thuộc [danh sách công tác viên](#), và gửi tới Đại sứ quán để làm thủ tục hợp pháp hóa.

Khi nhận được thông báo đủ điều kiện để được trở lại quốc tịch Việt Nam, người đề nghị nộp lệ phí lần 2 là lệ phí trở lại quốc tịch và xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài về việc đã mất quốc tịch nước ngoài nếu không được Chủ tịch nước cho phép được giữ quốc tịch nước ngoài.

V. Người đề nghị được thôi quốc tịch Việt Nam cần ghi chính xác địa chỉ và **số điện thoại liên lạc**, tốt nhất là điện thoại cầm tay, để bộ phận xử lý có thể liên hệ khi cần thiết. Trong thời gian nộp hồ sơ nếu có thay đổi địa chỉ, số điện thoại thì cần thông báo lại cho Đại sứ quán.

VI. Một số lưu ý về khai hồ sơ xin quay trở lại quốc tịch:

- Hồ sơ phải khai đúng họ tên đang sử dụng **theo hộ chiếu, giấy tờ tùy thân Đức** đang sử dụng, khai đầy đủ, rõ ràng thông tin **nơi cư trú hiện nay** như trong Lý lịch tư pháp và **nơi cư trú ở Việt Nam trước khi xuất cảnh**, trường hợp không nhớ rõ thì cố gắng ghi chi tiết nhất có thể, theo địa chỉ cũ và mở ngoặc địa chỉ mới.

- Phải khai đầy đủ thông tin về **tên gọi muốn lấy khi trở lại quốc tịch Việt Nam** có thể lấy tên Việt Nam trước đây hoặc tên ghép theo hộ chiếu Đức hiện nay.

- **Cần khai đầy đủ thông tin về bản thân**, nơi ở, học tập và làm việc ở Việt Nam và ở Đức, thông tin về người thân thích trong phần khai về lý lịch để thuận tiện trong quá trình xác minh nhân thân.

Nếu có câu hỏi hoặc thắc mắc về vấn đề quốc tịch, đề nghị liên lạc theo số máy (030) 53630 122 hoặc (030) 53630 108./.

Berlin, ngày 16 tháng 07 năm 2025